

Tuyên Quang, ngày 31 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai giảm dự toán ngân sách năm 2022**  
**của Văn phòng Sở Nông nghiệp và PTNT**

**GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 824/QĐ-SNN ngày 31/12/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT Về việc giảm dự toán ngân sách năm 2022 của một số đơn vị dự toán thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT do không còn nhiệm vụ chi (đợt 5+6+7);*

*Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu điều chỉnh giảm dự toán ngân sách năm 2022 của Văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

*(chi tiết theo biểu đính kèm).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở và các phòng chức năng thuộc Sở tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (Thực hiện);
- Lãnh đạo Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu VT-KT.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Công Hàm**

**Đơn vị: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang**  
**Chương: 412**

**DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**  
*(Kèm theo Quyết định số 826/QĐ- SNN ngày 31/12/2022*  
*của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Tuyên Quang*

*Đvt: đồng*

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán được giao</b>
<b>I</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<i>1</i>	<i>Số thu phí, lệ phí</i>	
<i>2</i>	<i>Chi từ nguồn thu phí được để lại</i>	
<i>3</i>	<i>Số phí, lệ phí nộp NSNN</i>	
3.1	Lệ phí	
3.2	Phí	
<b>II</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	<b>(237.000)</b>
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	<b>(125.000)</b>
<i>1.1</i>	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại: 340 khoản: 341; mã nguồn: 12)</i>	<b>(118.000)</b>
	Kinh phí đặt báo Nông nghiệp Việt Nam và tuyên truyền trên các báo, tạp chí	(1.000)
	Kinh phí thu hồi qua công tác thanh tra (30%) theo Thông tư số 327/2016/TT-BTC	(117.000)
<i>1.2</i>	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại: 340 khoản: 341; mã nguồn: 15)</i>	<b>(7.000)</b>
	Kinh phí đón tiếp và làm việc với Đoàn công tác của Bộ Nông nghiệp và PTNT tham gia hoạt động về nguồn tại tỉnh Tuyên Quang năm 2022	(7.000)
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>(112.000)</b>
<i>2.1</i>	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại: 280; khoản: 281; mã nguồn: 12)</i>	<b>(112.000)</b>
<i>2.1.1</i>	Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐND ngày 01/8/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh	(100.000)
<i>2.1.2</i>	Kinh phí Dự án cấp và quản lý mã số vùng trồng các sản phẩm hàng hóa nông sản Tuyên Quang bằng hệ thống tiêu chuẩn OTAS phục vụ nội tiêu và xuất khẩu, giai đoạn 2021-2025	(12.000)

*Ghi chú:* Niêm yết trên bảng thông báo 90 ngày kể từ ngày Quyết định có hiệu lực, đăng công khai trên trang thông tin điện tử của Sở./.

